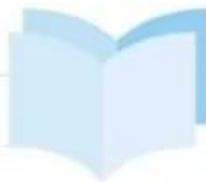


BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG



Bài 1 KIẾN VÀ CHIM BỒ CÂU

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có lời thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** ý thức giúp đỡ lẫn nhau khi hoạn nạn, khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm đặc điểm của truyện ngôn ngữ (mượn chuyện loài vật để nói về việc đời, nhằm thể hiện những bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống); nắm được nội dung của VB *Kiến và chim bồ câu*, cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.
Ê-dốp, La Phông-ten và Lép Tôn-xtòi là những tác giả của những câu chuyện ngôn ngữ nổi tiếng trên thế giới. Các câu chuyện này từ lâu đã được dịch sang tiếng Việt. Nhiều câu chuyện mang tính nhân văn và tính giáo dục cao, đã được sử dụng nhiều trong các sách giáo khoa của Việt Nam. *Kiến và chim bồ câu* của Ê-dốp là một trong những câu chuyện đó.
- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*vùng vẫy, nhanh trí, thợ săn*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh họa có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm về hành động của những người trong tranh (Hỏi: *Những người trong tranh đang làm gì?*)
- GV đưa ra những gợi ý để HS trả lời câu hỏi.
- Một số (2 – 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
- GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Kiến và chim bồ câu*. Trước khi đọc văn bản, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh họa để suy đoán một phần nội dung của văn bản. Chú ý đến các nhân vật trong truyện và mối quan hệ giữa các nhân vật đó.

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB *Kiến và chim bồ câu*. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.
- HS đọc câu
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (*vùng vẫy, nhanh trí, giật mình, ...*).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Nghe tiếng kêu cứu của kiến, / bồ câu nhanh trí/ nhặt một chiếc lá/ thả xuống nước; Ngay lập tức, / nó bò đến/ cắn vào chân anh ta.*)
- HS đọc đoạn.
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *leo được lên bờ*; đoạn 2: *một hôm đến liền bay đi*; đoạn 3: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt. GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài. (*vùng vẫy*: hoạt động liên tiếp để thoát khỏi một tình trạng nào đó; *nhanh trí*: suy nghĩ nhanh, ứng phó nhanh; *thợ săn*: người chuyên làm nghề săn bắt thú rừng và chim)
 - + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB.
 - + 1 – 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
 - + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi (a. *Bố câu đã làm gì để cứu kiến?* b. *Kiến đã làm gì để cứu bố câu?* c*. *Em học được điều gì từ câu chuyện này?*).

- HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh họa và câu trả lời cho từng câu hỏi.
- GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Bố câu nhanh trí nhặt một chiếc lá thả xuống nước để cứu kiến*; b. *Kiến bò đến gần vào chân người thợ săn*. c*. Câu trả lời mở, VD: *Trong cuộc sống cần giúp đỡ nhau, nhất là khi người khác gặp hoạn nạn,...*)

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. (*Kiến bò đến chỗ người thợ săn và gần vào chân anh ta*).
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh. (a. *Nam nhanh trí nghĩ ngay ra lời giải cho câu đố*; b. *Ông kể cho em nghe một câu chuyện cảm động*.)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Kể lại câu chuyện Kiến và chim bố câu

- GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh trong SHS.
- GV gợi ý cho HS có thể chia nội dung câu chuyện *Kiến và chim bố câu* thành 4 đoạn nhỏ (tương ứng với 4 tranh) dựa vào đó để kể lại toàn bộ câu chuyện:
 - + Kiến gặp nạn
 - + Bố câu cứu kiến thoát nạn
 - + Người thợ săn ngầm bắn chim bố câu và kiến cứu chim bố câu thoát nạn
 - + Hai bạn cảm ơn nhau.
- GV chia lớp thành các nhóm (tuỳ thuộc số lượng HS trong lớp), yêu cầu các nhóm cùng xây dựng nội dung câu chuyện và mỗi bạn trong nhóm kể lại cho cả nhóm nghe câu chuyện đó.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm kể câu chuyện trước lớp. Các nhóm khác bổ sung, đánh giá.
- GV nhắc lại bài học của câu chuyện *Kiến và chim bố câu* để kết thúc buổi học: *Cần giúp đỡ những người khác khi họ gặp hoạn nạn* (*Cần giúp đỡ nhau trong hoạn nạn*.)

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả đoạn văn. (*Nghe tiếng kêu của kiến, bồ câu nhanh trí nhặt chiếc lá thả xuống nước. Kiến bám vào chiếc lá và leo được lên bờ.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.
 - + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả: *tiếng, kiến, nhanh, xuống, nước.*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (*Nghe tiếng kêu của kiến, bồ câu nhanh trí nhặt chiếc lá thả xuống nước. Kiến bám vào chiếc lá và leo được lên bờ.*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Kiến và chim bồ câu từ ngữ có tiếng chứa vần ăn, ăng, oat, oăt*

- GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.
- HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *ăń, ăńg, oat, oăt*.
- HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.
- Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc tron; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói: *Việc làm của người thợ săn là đúng hay sai? Vì sao?*

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.
- GV gợi ý cho HS trả lời các câu hỏi để nói theo tranh. (*Em nhìn thấy gì trong tranh? Em nghĩ gì về hành động của người thợ săn? Vì sao em nghĩ như vậy?*)
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh. Các nội dung nói theo tranh có thể là:
 - + Trả lời cho câu hỏi: *Em nghĩ gì về hành động của người thợ săn?* (không yêu loài vật; phá hoại môi trường thiên nhiên)
 - + Trả lời cho câu hỏi: *Vì sao em nghĩ như vậy?* (Chim hót đánh thức em vào mỗi buổi sáng; Chim là bạn của trẻ em; Chim ăn sâu bọ phá hại mùa màng;...)
- HS và GV nhận xét.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.